

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các Sở và cơ quan ngang Sở, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 24/8/2016 của UBND Thành phố về Cải cách hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính (CCHC) của các Sở và cơ quan ngang Sở (gọi tắt là *Chỉ số CCHC các Sở*) và Chỉ số đánh giá kết quả CCHC của UBND các quận, huyện, thị xã (gọi tắt là *Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện*), với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

Xác định Chỉ số CCHC để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai CCHC của các Sở, cơ quan ngang Sở, UBND các quận, huyện, thị xã trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ và Chương trình, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2017 – 2020 của Thành phố.

2. Phạm vi và đối tượng

- Phạm vi áp dụng: Sử dụng Chỉ số CCHC các Sở, Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện để tiến hành theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hằng năm của các Sở và cơ quan ngang Sở, UBND các quận, huyện, thị xã giai đoạn 2017 - 2020.

- Đối tượng áp dụng: Các Sở và cơ quan ngang Sở; UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội (chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CCHC CÁC SỞ, CHỈ SỐ CCHC CỦA UBND CẤP HUYỆN

1. Chỉ số CCHC các Sở

- Chỉ số CCHC các Sở được xác định trên 9 nội dung, 46 tiêu chí và 103 tiêu chí thành phần (*quy định cụ thể tại Phụ lục 2 đính kèm*).

- Thang điểm đánh giá là 100; điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 31/100.

- Phương pháp đánh giá

+ Tự đánh giá: Các Sở, cơ quan ngang Sở tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan và các đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm tự đánh giá của các Sở, cơ quan ngang Sở sẽ được UBND Thành phố xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

+ Đánh giá qua điều tra xã hội học

Đánh giá qua điều tra xã hội học theo các tiêu chí điều tra xã hội học quy định trong Chỉ số CCHC các Sở. Điều tra xã hội học được tiến hành lấy ý kiến của các nhóm đối tượng khác nhau.

Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí điều tra xã hội học của Chỉ số CCHC các Sở.

- Tính điểm xác định chỉ số CCHC

+ Điểm đạt được là tổng hợp điểm qua điều tra xã hội học và điểm UBND Thành phố đánh giá; và là căn cứ để tính Chỉ số CCHC từng cơ quan, đơn vị.

+ Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa (100 điểm)”.

+ Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ % giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

2. Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện

- Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện được xác định trên 9 nội dung, 50 tiêu chí và 118 tiêu chí thành phần (*quy định cụ thể tại Phụ lục 3 đính kèm*).

- Thang điểm đánh giá là 100; điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 33/100.

- Phương pháp đánh giá

+ Tự đánh giá: UBND cấp huyện tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan và các đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm tự đánh giá của UBND cấp huyện sẽ được UBND Thành phố xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

+ Đánh giá qua điều tra xã hội học

Đánh giá qua điều tra xã hội học theo các tiêu chí điều tra xã hội học quy định trong Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện. Điều tra xã hội học được tiến hành

lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau.

Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí điều tra xã hội học Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện.

- Tính điểm xác định chỉ số CCHC

- + Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” và “Tổng điểm tối đa (100 điểm)”.

- + Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ % giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm cụ thể của một số cơ quan, đơn vị

a) Sở Nội vụ

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số cải cách hành chính.

- Định kỳ xây dựng Kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC trình UBND Thành phố xem xét, ban hành; chủ trì, tổ chức thực hiện sau khi Kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt. Theo dõi, đôn đốc các Sở, UBND cấp huyện triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC.

- Hướng dẫn các Sở, UBND cấp huyện triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của Sở, UBND cấp huyện; tập huấn, bồi dưỡng đối với công chức chuyên trách CCHC của các Sở, UBND cấp huyện về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC.

- Phối hợp với Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội Hà Nội xác định nhóm đối tượng, quy mô mẫu điều tra xã hội học và xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học.

- Tổng hợp, xử lý số liệu để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả Chỉ số CCHC, trình UBND Thành phố xem xét, quyết định.

- Trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của các Sở, Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện và Tổ công tác giúp việc, triển khai xác định Chỉ số CCHC theo Kế hoạch của UBND Thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND Thành phố tổ chức công bố Chỉ số CCHC của các Sở, Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình UBND Thành phố quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp thực tế.

b) Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức tuyên truyền Chỉ số cải cách hành chính; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng về Chỉ số CCHC.

c) Sở Tài chính

Bố trí đủ kinh phí cho việc thực hiện xác định Chỉ số CCHC; hướng dẫn các

cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC theo kế hoạch.

d) Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội Hà Nội

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học Chỉ số CCHC các Sở, Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện.

2. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND cấp huyện

- Triển khai công việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

- Xây dựng báo cáo xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC các Sở, Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện.

- Phân công công chức chuyên trách theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả CCHC của cơ quan, đơn vị.

- Bố trí kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC theo quy định.

- Thanh tra Thành phố và các Sở: Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá kết quả CCHC đối với từng lĩnh vực theo phân công của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 6674/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND Thành phố về việc ban hành Chỉ số đánh giá kết quả CCHC của các Sở, cơ quan ngang Sở, UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở và cơ quan ngang Sở, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- BCĐ Chương trình CCHC TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các Báo, Đài: Hà Nội Mới, KT và ĐT, Công TTĐT; Đài PT và TH Hà Nội;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, NC, SNV (30 bản).

(36771) - 130

Để
báo
cáo



Nguyễn Đức Chung



17

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC THEO DÕI,
ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC HÀNG NĂM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~6677~~/QĐ-UBND ngày 25 / 9 /2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
I	Các Sở và cơ quan ngang Sở
1	Văn phòng UBND Thành phố
2	Sở Nội vụ
3	Sở Công thương
4	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Sở Giao thông Vận tải
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
9	Sở Ngoại vụ
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Sở Quy hoạch Kiến trúc
12	Sở Tài chính
13	Sở Tài nguyên và Môi trường
14	Sở Thông Tin và Truyền Thông
15	Sở Tư pháp
16	Sở Văn hóa và Thể thao
17	Sở Xây dựng
18	Sở Y tế
19	Sở Du lịch
20	Ban Dân tộc
21	Thanh tra Thành phố
22	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
II	Các quận, huyện, thị xã
1	UBND quận Ba Đình
2	UBND quận Cầu Giấy
3	UBND quận Đống Đa
4	UBND quận Hai Bà Trưng
5	UBND quận Hoàn Kiếm
6	UBND quận Hoàng Mai
7	UBND quận Long Biên
8	UBND quận Tây Hồ
9	UBND quận Thanh Xuân
10	UBND quận Hà Đông
11	UBND quận Nam Từ Liêm
12	UBND quận Bắc Từ Liêm
13	UBND thị xã Sơn Tây
14	UBND huyện Ba Vì
15	UBND huyện Chương Mỹ
16	UBND huyện Đan Phượng
17	UBND huyện Đông Anh
18	UBND huyện Gia Lâm
19	UBND huyện Hoài Đức
20	UBND huyện Mê Linh
21	UBND huyện Mỹ Đức
22	UBND huyện Phú Xuyên
23	UBND huyện Phúc Thọ
24	UBND huyện Quốc Oai
25	UBND huyện Sóc Sơn
26	UBND huyện Thạch Thất
27	UBND huyện Thanh Oai
28	UBND huyện Thanh Trì
29	UBND huyện Thường Tín
30	UBND huyện Ứng Hoà

PHỤ LỤC 2
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~6677~~/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	15						
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2						
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm	0.5						
-	Ban hành kịp thời: 0,5							
-	Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành : 0							
1.1.2	Chất lượng Kế hoạch	0.5						
-	Đạt yêu cầu: 0,5							
-	Không đạt yêu cầu: 0							
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,5							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
1.2	Báo cáo CCHC	1						
1.2.1	Số lượng và nội dung báo cáo định kỳ (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm) và báo cáo đột xuất, chuyên đề (nếu có)	0.5						
-	Đủ số lượng báo cáo và đầy đủ nội dung: 0,5							
-	Không đủ số lượng báo cáo hoặc không đúng nội dung: 0							
1.2.2	Báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0.5						
-	Tất cả báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0,5							
-	Có 01 báo cáo gửi chậm: 0,25							
-	Có từ báo cáo thứ hai trở lên gửi chậm: 0							
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2						
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm hoặc lồng ghép trong kế hoạch kiểm tra khác)	0.5						
-	Có kế hoạch kiểm tra: 0,5							
-	Không có kế hoạch kiểm tra: 0							
1.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra	0.5						

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
1.3.3	Xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
-	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Dưới 85% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2						
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	0.5						
-	Có kế hoạch: 0,5							
-	Không có kế hoạch: 0							
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	0.5						
-	Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thông: 0,25							
-	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,25							
1.4.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về CCHC	1						ĐTXHH
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	3						
1.5.1	Tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính	0.5						
-	Có thực hiện (định kỳ 6 tháng): 0,5							
-	Không thực hiện: 0							
1.5.2	Phụ trách trực tiếp công tác CCHC	0.5						
-	Thủ trưởng đơn vị trực tiếp phụ trách: 0,5							
-	Giao cho cấp phó đơn vị trực tiếp phụ trách: 0							
1.5.3	Sáng kiến và áp dụng hiệu quả sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1						
-	Có sáng kiến, áp dụng triển khai hiệu quả: 1							
-	Không có sáng kiến hoặc áp dụng sáng kiến không hiệu quả: 0							
1.5.4	Xây dựng và công khai Quy trình nội bộ của đơn vị	1						
-	Có xây dựng và công khai: 1							

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
-	Không xây dựng và công khai: 0							
1.6	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của Sở	4						
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Sở	1						ĐTXHH
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Sở	1						ĐTXHH
1.6.3	Sử dụng nguồn lực (nhân lực, tài chính...) cho công tác CCHC của Sở	1						ĐTXHH
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Sở	1						ĐTXHH
1.7	Thực hiện các nhiệm vụ được Thành phố giao trong năm	1						
-	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 1							
-	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0,5							
-	Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ: 0							
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)	13						
2.1	Xây dựng VBQPPL thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực Sở quản lý trình Thành phố ban hành	3.5						
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo yêu cầu và thực tiễn quản lý nhà nước của Thành phố	1						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
-	Hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0.5						
-	Tất cả (100%) VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0,5							
-	Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0							
2.1.3	Tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thành phố do Sở tham mưu Thành phố ban hành	1						ĐTXHH
2.1.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thành phố do Sở tham mưu Thành phố ban hành	1						ĐTXHH
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	1.5						
2.2.1	Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 85% kế hoạch: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
2.2.2	Thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0.5						
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
-	Dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
2.3	Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật	1						
2.3.1	Thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của UBND Thành phố đối với ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Sở	0.5						
-	Thực hiện kịp thời ngay sau khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý của VBQPPL đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị: 0,5							
-	Thực hiện không kịp thời hoặc không thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa ngay sau khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý của VBQPPL đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị: 0							
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	0.5						
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
-	Dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
2.4	Tổ chức triển khai và tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL theo ngành, lĩnh vực quản lý của Sở	2						
2.4.1	Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL thuộc lĩnh vực ngành Sở quản lý	0.5						
-	Tất cả các VBQPPL do Trung ương, Thành phố ban hành đều được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng thời gian quy định: 0,5							
-	Không triển khai hoặc triển khai không đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0							
2.4.2	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0.5						
-	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5							
-	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0							
2.4.3	Xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
-	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,75							

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
-	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
2.5	Tác động của hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức	1						ĐTXHH
2.6	Thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của Sở	2						
-	Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật: 2							
-	Để xảy ra vụ việc sai phạm bị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định: 0							
2.7	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở	1						
2.7.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0							
2.7.2	Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	0.5						
-	Đúng quy định: 0,5							
-	Không đúng quy định: 0							
2.8	Số lượng và nội dung báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất, chuyên đề (nếu có)	1						
-	Đủ số lượng báo cáo, đúng nội dung và gửi đúng thời gian quy định: 1							
-	Không đủ số lượng báo cáo hoặc không đúng nội dung hoặc gửi chậm: 0							
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	8						
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	2						
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính của Sở theo quy định của Thành phố	0.5						
-	Có ban hành: 0,5							
-	Không ban hành: 0							
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						
-	Tất cả (100%) vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
-	Dưới 100% vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
3.2	Công bố thủ tục hành chính theo quy định	2						
-	Trình UBND Thành phố công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 2							
-	Không thực hiện việc trình công bố/đề nghị sửa đổi hoặc chậm về thời gian trình công bố việc sửa đổi: 0							
3.3	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Sở theo quy định	3						
3.3.1	Công khai theo quy định các TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của Sở	1						
-	Tất cả các thủ tục được công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1							
-	Công khai không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0							
3.3.2	Công khai các TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm quản lý theo ngành, lĩnh vực của Sở trên Cổng thông tin điện tử của Sở	2						
-	100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 2							
-	Từ 85% - dưới 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 1,5							
-	Từ 70% - dưới 85% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 1							
-	Dưới 70% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 0							
3.4	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở	1						
3.4.1	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính hoặc việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở	0.5						
-	Thực hiện đúng quy định: 0,5							
-	Không thực hiện đúng quy định: 0							
3.4.2	Xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính hoặc việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở	0.5						
-	100% số phản ánh, kiến nghị đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Từ 90% - dưới 100% số phản ánh, kiến nghị đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,25							
-	Dưới 90% số phản ánh, kiến nghị đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	8.5						
4.1	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức phòng, ban, đơn vị của Sở	1						ĐTXHH
4.2	Tính hợp lý trong việc Sở tham mưu UBND thành phố phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giữa Sở và Huyện	1						ĐTXHH

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
4.3	Kết quả thực hiện công tác tiếp công dân và tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Sở	1						ĐTXHH
4.4	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của Sở	1						ĐTXHH
4.5	Tổ chức và hoạt động theo quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở	2						
-	Thực hiện đúng quy định: 2							
-	Không thực hiện đúng quy định: 0							
4.6	Thực hiện phân cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực	2.5						
4.6.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Chính phủ, Bộ chủ quản ban hành	0.5						
-	Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: 0,5							
-	Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định : 0,25							
-	Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0							
4.6.2	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Thành phố ban hành	0.5						
-	Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: 0,5							
-	Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định : 0,25							
-	Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0							
4.6.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ của ngành đã phân cấp cho cấp huyện và các đơn vị trực thuộc	0.5						
-	Có thực hiện: 0,5							
-	Không thực hiện: 0							
4.6.4	Xử lý, giải quyết các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
-	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,75							
-	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	16						

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
5.1	Đề án Vị trí việc làm	2						
5.1.1	Thực hiện Đề án vị trí việc làm được phê duyệt	1						
-	100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng: 0,75							
-	Từ 70% - dưới 85% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng: 0,5							
-	Dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng: 0							
5.1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở xây dựng Đề án vị trí việc làm được Thành phố thẩm định, thông qua	1						
-	100% số đơn vị: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số đơn vị: 0,5							
-	Dưới 85% số đơn vị: 0							
5.2	Tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức	3.5						
5.2.1	Thực hiện việc tuyển dụng công chức	1						
-	Thực hiện đúng quy định: 1							
-	Không thực hiện đúng: 0							
5.2.2	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức	1						
-	Thực hiện đúng quy định: 1							
-	Không thực hiện đúng: 0							
5.2.3	Sử dụng công chức, viên chức theo quy định	1						
-	Thực hiện đúng quy định: 1							
-	Không thực hiện đúng: 0							
5.2.4	Thực hiện thu hút (tuyển dụng đặc biệt) đối với các đối tượng là nhân tài quy định tại Nghị quyết 14/2013/NQ-HĐND	0.5						
-	Đã thu hút (đăng ký, tuyển dụng) nhân tài vào làm việc trong Sở hoặc các đơn vị trực thuộc Sở: 0,5							
-	Chưa thu hút: 0							
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1						
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của Sở	0.5						
-	Ban hành kịp thời: 0,5							
-	Ban hành không kịp thời: 0,25							
-	Không ban hành: 0							
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của Sở	0.5						
-	Thực hiện 100% kế hoạch: 0,5							

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
-	Thực hiện từ 85% - dưới 100%: 0,25							
-	Dưới 85% kế hoạch: 0							
5.4	Đổi mới công tác quản lý công chức, viên chức	1.5						
5.4.1	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	0.5						
-	Đúng quy định: 0,5							
-	Không đúng quy định: 0							
5.4.2	Thực hiện cử công chức dự thi nâng ngạch, viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định	0.5						
-	Thực hiện đúng: 0,5							
-	Không thực hiện đúng: 0							
5.4.3	Cập nhật, quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức (Phần mềm quản lý nhân sự) theo quy định	0.5						
-	100% dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kịp thời, đầy đủ và quản lý theo quy định: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kịp thời, đầy đủ và quản lý theo quy định: 0,25							
-	Dưới 85% dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kịp thời, đầy đủ và quản lý theo quy định: 0							
5.5	Thực hiện tinh giản biên chế	1.5						
5.5.1	Xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế	0.5						
-	Có Kế hoạch: 0,5							
-	Không có Kế hoạch: 0							
5.5.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm	1						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
-	Hoàn thành từ 75% - dưới 100% kế hoạch: 0.5							
-	Hoàn thành dưới 75% kế hoạch: 0							
5.6	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương thuộc Sở trở xuống	0.5						
-	100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0,5							
-	Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0							
5.7	Chất lượng công chức, viên chức	4						
5.7.1	Năng lực giải quyết công việc của công chức, viên chức	1						ĐTXHH

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
5.7.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức, viên chức	1						ĐTXHH
5.7.3	Thái độ phục vụ của công chức, viên chức	1						ĐTXHH
5.7.4	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức, viên chức	1						ĐTXHH
5.8	Thực hiện kỷ cương hành chính, văn hóa ứng xử	2						
5.8.1	Thực hiện kỷ cương hành chính, văn hóa ứng xử	1						
-	<i>Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm, bị xử lý kỷ luật: 1</i>							
-	<i>Có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm: 0</i>							
5.8.2	Thực hiện Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan và nơi công cộng	1						ĐTXHH
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8						
6.1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại sở, chi cục thuộc sở; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở	6						
6.1.1	Cơ quan sở và tỷ lệ các đơn vị dự toán trực thuộc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định	1						
-	<i>100% số cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện: 1</i>							
-	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện: 0</i>							
6.1.2	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và lao động hợp đồng (theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) làm việc tại Sở và các đơn vị trực thuộc	1						
-	<i>100% số cơ quan, đơn vị dự toán có tăng thu nhập cho công chức, viên chức và lao động hợp đồng: 1</i>							
-	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị dự toán có tăng thu nhập cho công chức, viên chức và lao động hợp đồng: 0</i>							
6.1.3	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1						
-	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung quy định và gửi đúng thời hạn: 1</i>							
-	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi báo cáo sau thời hạn: 0,5</i>							
-	<i>Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo: 0</i>							
6.1.4	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của Sở và các đơn vị trực thuộc Sở	1						ĐTXHH
6.1.5	Tác động của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại sở, chi cục trực thuộc và cơ chế tự chủ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1						ĐTXHH

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
6.1.6	Đảm bảo phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định	1						ĐTXHH
6.2	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	2						
6.2.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	1						
-	Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định và gửi đúng thời hạn: 1							
-	Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định và gửi sau thời hạn: 0,5							
-	Thực hiện xây dựng báo cáo không đúng quy định: 0							
6.2.2	Thực hiện công khai, chấp hành dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định	1						
-	Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo đúng thời hạn: 1							
-	Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo sau thời hạn: 0,5							
-	Thực hiện công khai không đúng quy định hoặc không công khai: 0							
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15.5						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của sở	9.5						
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của sở (trong vòng 01 tháng sau khi UBND Thành phố ban hành Kế hoạch)	0.5						
-	Ban hành kịp thời: 0,5							
-	Ban hành không kịp thời: 0,25							
-	Không ban hành: 0							
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT của sở	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
7.1.3	Người đứng đầu Sở, cơ quan ngang Sở sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp	0.5						
-	Có sử dụng: 0,5							
-	Không sử dụng: 0							
7.1.4	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp	1						ĐTXHH
7.1.5	Gửi nhận văn bản điện tử trong giao dịch hành chính (gồm cả giao dịch nội bộ và giao dịch với cơ quan, đơn vị bên ngoài)	0.5						
-	100% số văn bản được gửi nhận qua mạng (trừ văn bản mật): 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số văn bản được gửi nhận qua mạng (trừ văn bản mật): 0,25							
-	Dưới 85% số văn bản được gửi nhận qua mạng (trừ văn bản mật): 0							

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
7.1.6	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức, viên chức	1						ĐTXHH
7.1.7	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	2						
-	Có triển khai, đảm bảo đủ chỉ tiêu của Thành phố: 2							
-	Có triển khai, không đảm bảo đủ chỉ tiêu của Thành phố: 0,5							
-	Không triển khai: 0							
7.1.8	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1						
-	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1							
-	Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0,5							
-	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,25							
-	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0							
7.1.9	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	0.5						
-	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,5							
-	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,25							
-	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0							
7.1.10	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	0.5						
-	Có thực hiện theo quy định: 0,5							
-	Không thực hiện: 0							
7.1.11	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) phục vụ quản lý chuyên ngành	1						
-	Có xây dựng và thường xuyên cập nhật dữ liệu định kỳ: 1							
-	Có xây dựng nhưng ít cập nhật dữ liệu: 0,5							
-	Không xây dựng: 0							
7.1.12	Hệ thống CSDL phục vụ quản lý chuyên ngành được chia sẻ với các cơ quan, đơn vị bên ngoài (trừ CSDL không được phép chia sẻ)	0.5						
-	Có từ 2 hệ thống thông tin CSDL được chia sẻ với các cơ quan, đơn vị bên ngoài trở lên: 0,5							
-	Có cơ sở dữ liệu được chia sẻ với các cơ quan, đơn vị bên ngoài: 0,25							
-	Không có cơ sở dữ liệu được chia sẻ: 0							
7.2	Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở	3						
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở	1						ĐTXHH

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.	1						ĐTXHH
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở	1						ĐTXHH
7.3	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 trong hoạt động quản lý	3						
7.3.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại sở và đơn vị trực thuộc	0.5						
-	100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0,5							
-	Từ 85% đến dưới 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0.25							
-	Dưới 85% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0							
7.3.2	Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại sở và đơn vị trực thuộc	0.5						
-	100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0,5							
-	Từ 85% đến dưới 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0.25							
-	Dưới 85% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0							
7.3.3	Tỷ lệ quy trình ISO 9001 thực hiện đúng tiêu chuẩn trong hoạt động tại Sở và chi cục trực thuộc	1						
-	100% quy trình ISO 9001 triển khai đúng tiêu chuẩn: 1							
-	Từ 80% - dưới 100% quy trình ISO 9001 triển khai đúng tiêu chuẩn: 0,5							
-	Dưới 80% quy trình ISO 9001 triển khai đúng tiêu chuẩn: 0							
7.3.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO 9001	1						ĐTXHH
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	13						
8.1	Tổ chức tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1.5						
8.1.1	Ban hành đầy đủ các văn bản về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo quy định của Thành phố	0.5						
-	Ban hành đầy đủ: 0,5							
-	Ban hành không đầy đủ: 0							
8.1.2	Bố trí người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0.5						
-	Đúng quy định: 0,5							
-	Không đúng quy định: 0							
8.1.3	Thực hiện chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định của Thành phố	0.5						
-	Thực hiện đúng quy định: 0,5							

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
-	Thực hiện chưa đúng quy định: 0							
8.2	TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3						
8.2.1	Số lượng TTHC thực hiện tại Sở được xây dựng quy trình và tổ chức giải quyết theo cơ chế một cửa	0.5						
-	100% số lượng TTHC: 0,5							
-	Dưới 100% số lượng TTHC: 0							
8.2.2	TTHC được xây dựng quy trình và tổ chức giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	1						
-	100% TTHC: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% TTHC: 0,75							
-	Từ 70% - dưới 85% TTHC: 0,5							
-	Dưới 70% TTHC: 0							
8.2.3	Chủ trì, xây dựng Quy chế phối hợp giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa liên thông mà nội dung chính của công việc thuộc lĩnh vực, ngành của Sở quản lý, trình Thành phố ban hành và triển khai thực hiện	1						
-	Hoàn thành, được Thành phố ban hành và triển khai thực hiện: 1							
-	Hoàn thành nhưng chưa được Thành phố ban hành hoặc Thành phố ban hành nhưng chưa triển khai thực hiện: 0,5							
-	Chưa xây dựng: 0							
8.2.4	Hướng dẫn, kiểm tra cấp huyện trong việc xây dựng, triển khai Quy chế phối hợp giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa liên thông thuộc thẩm quyền cấp Huyện liên quan đến lĩnh vực, ngành Sở quản lý	0.5						
-	Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đầy đủ, kịp thời: 0,5							
-	Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra chưa đầy đủ, kịp thời: 0,25							
-	Không tổ chức hướng dẫn, kiểm tra hoặc không xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 0							
8.3	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.5						
8.3.1	Đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	0.5						
-	Đạt yêu cầu: 0,5							
-	Chưa đạt yêu cầu: 0							
8.3.2	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại theo quy định	1						
-	Đáp ứng đủ theo quy định: 1							
-	Đáp ứng một phần hiện đại theo quy định: 0,5							

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(5+6)	8	9
-	Chưa thực hiện: 0							
8.4	Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	4						
8.4.1	Bố trí chỗ ngồi chờ, nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân đến giao dịch tại Sở	1						ĐTXHH
8.4.2	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở	1						ĐTXHH
8.4.3	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở	1						ĐTXHH
8.4.4	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở	1						ĐTXHH
8.5	Kết quả giải quyết TTHC của Sở	2						
-	100% số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn: 2							
-	Dưới 100 % số hồ sơ hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn: 0							
8.6	Thực hiện quy định về xin lỗi trong quá trình giải quyết TTHC tại Sở	1						
-	Tất cả (100%) các trường hợp phải xin lỗi đều được thực hiện theo quy định: 1							
-	Các trường hợp phải xin lỗi nhưng không thực hiện xin lỗi theo quy định: 0							
9	TÁC ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ	3						
9.1	Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội Thành phố giao	2						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 2							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 1,5							
-	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 1							
-	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
9.2	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với cung ứng dịch vụ công của Sở	1						ĐTXHH
	TỔNG ĐIỂM	100						

PHỤ LỤC 3
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI ĐỐI VỚI UBND CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~6677~~ /QĐ-UBND ngày 25/9 /2017 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số (%)	Ghi chú
			Tự đánh giá	UBND Thành phố thẩm định	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7=(4+6)	8	9
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	15.5						
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2.0						
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm	0.5						
-	Ban hành kịp thời: 0,5							
-	Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành : 0							
1.1.2	Chất lượng Kế hoạch	0.5						
-	Đạt yêu cầu: 0,5							
-	Không đạt yêu cầu: 0							
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1.0						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,5							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
1.2	Báo cáo CCHC	1						
1.2.1	Số lượng và nội dung báo cáo định kỳ (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm) và báo cáo đột xuất, chuyên đề (nếu có)	0.5						
-	Đủ số lượng báo cáo và đầy đủ nội dung: 0,5							
-	Không đủ số lượng báo cáo hoặc không đúng nội dung: 0							
1.2.2	Báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0.5						
-	Tất cả báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0,5							
-	Có 01 báo cáo gửi chậm: 0,25							
-	Có từ báo cáo thứ hai trở lên gửi chậm: 0							
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2						
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm hoặc lồng ghép trong kế hoạch kiểm tra khác)	0.5						
-	Có kế hoạch kiểm tra: 0,5							
-	Không có kế hoạch kiểm tra: 0							

1.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25 điểm							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
1.3.3	Xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
-	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Dưới 85% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
1.4.	Công tác tuyên truyền CCHC	2.5						
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	0.5						
-	Có kế hoạch: 0,5							
-	Không có kế hoạch: 0							
1.4.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 80% - dưới 100%: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0							
1.4.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về CCHC	1						ĐTXHH
1.4.4	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	0.5						
-	Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0,25							
-	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,25							
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	4						
1.5.1	Tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính	1						
-	Có thực hiện (định kỳ 6 tháng): 1							
-	Không thực hiện: 0							
1.5.2	Phụ trách trực tiếp công tác CCHC	0.5						
-	Chủ tịch UBND cấp huyện trực tiếp phụ trách: 0,5							
-	Giao cho cấp phó đơn vị trực tiếp phụ trách: 0							
1.5.3	Sáng kiến và áp dụng hiệu quả sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1						
-	Có sáng kiến, áp dụng triển khai hiệu quả: 1							
-	Không có sáng kiến hoặc áp dụng không hiệu quả: 0							
1.5.4	Xây dựng và công khai Quy trình nội bộ của huyện	0.5						
-	Có xây dựng và công khai: 0.5							

-	Không xây dựng và công khai: 0							
1.5.5	UBND cấp xã xây dựng và công khai Quy trình nội bộ	1						
-	100% UBND cấp xã xây dựng và công khai quy trình nội bộ: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% UBND cấp xã xây dựng và công khai quy trình nội bộ: 0.5							
-	Dưới 85% UBND cấp xã xây dựng và công khai quy trình nội bộ: 0							
1.6.	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của Huyện	4						
1.6.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Huyện	1						ĐTXHH
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Huyện	1						ĐTXHH
1.6.3	Sử dụng nguồn lực (nhân lực, tài chính...) cho công tác CCHC của Huyện	1						ĐTXHH
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Huyện	1						ĐTXHH
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)	12						
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của huyện	3						
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm	0.5						
-	100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,5							
-	Từ 80% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,25							
-	Dưới 80 % số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0.5						
-	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0,5							
-	Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0							
2.1.3	Tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Huyện	1						ĐTXHH
2.1.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước Huyện	1						ĐTXHH
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	1						
2.2.1	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 85% kế hoạch: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
2.2.2	Báo cáo và xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0.5						
-	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25							
-	Dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0							
2.3	Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật	1.5						
2.3.1	Ban hành kế hoạch rà soát VBQPPL	0.5						
-	Có ban hành: 0,5							
-	Không ban hành: 0							
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát VBQPPL	0.5						

-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
2.3.3	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL	0.5						
-	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,25							
-	Dưới 85% số vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
2.4	Tổ chức triển khai và tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại huyện	3						
2.4.1	Tổ chức thực hiện VBQPPL do cấp trên ban hành	1						
-	Tất cả các VBQPPL do Trung ương, Thành phố ban hành đều được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1							
-	Không triển khai hoặc triển khai không đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0							
2.4.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại huyện	0.5						
-	Có ban hành: 0,5							
-	Không ban hành: 0							
2.4.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25							
-	Dưới 85% kế hoạch: 0							
2.4.4	Xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
-	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,25							
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
2.5	Tác động của hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với công dân, tổ chức	1						ĐTXHH
2.6	Thực hiện các quy định pháp luật về quản lý nhà nước trên địa bàn huyện	1						
-	Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật: 1							
-	Để xảy ra vụ việc sai phạm bị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định: 0							
2.7	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của huyện	1						
2.7.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	0.5						

-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0							
2.7.2	Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	0.5						
-	Đúng quy định: 0,5							
-	Không đúng quy định: 0							
2.8	Số lượng và nội dung báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất , chuyên đề (nếu có) về xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật	0.5						
-	Đủ số lượng báo cáo, đúng nội dung và gửi đúng thời gian quy định: 0,5							
-	Không đủ số lượng báo cáo hoặc không đúng nội dung hoặc gửi chậm: 0							
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	6						
3.1	Rà soát thường xuyên thủ tục hành chính (TTHC)	2						
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính của huyện theo quy định của Thành phố	0.5						
-	Có ban hành : 0,5							
-	Không ban hành: 0							
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1						
-	100% vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							
-	Dưới 100% vấn đề phát hiện qua rà soát đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
3.2	Công khai thủ tục hành chính	3						
3.2.1	Công khai theo quy định các TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của huyện	1						
-	Tất cả các thủ tục được công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1							
-	Công khai không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0							
3.2.2	Đơn vị hành chính cấp xã thực hiện việc công khai TTHC đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã:	1						
-	Tất cả (100%) số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện công khai TTHC đúng quy định: 1							
-	Có đơn vị hành chính cấp xã công khai không đúng quy định: 0							
3.2.3	TTHC của cấp xã được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của huyện	1						
-	100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 1							
-	Dưới 100% số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định: 0							
3.3	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên địa bàn	1						

3.3.1	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính hoặc việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên địa bàn	0.5						
-	Thực hiện đúng quy định: 0.5							
-	Không thực hiện đúng quy định: 0							
3.3.2	Xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính hoặc việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của trên địa bàn	0.5						
-	100% số phản ánh, kiến nghị đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Từ 90% - dưới 100% số phản ánh, kiến nghị đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,25							
-	Dưới 90% số phản ánh, kiến nghị đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	9.5						
4.1	Mức độ thuận tiện của quy trình nội bộ đáp ứng việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân tổ chức	1						ĐTXHH
4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp xã	1						ĐTXHH
4.3	Đánh giá thực hiện công tác tiếp công dân và tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Huyện	1						ĐTXHH
4.4.	Đánh giá thực hiện công tác tiếp công dân và tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Xã	1						ĐTXHH
4.5	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của Huyện	1						ĐTXHH
4.6	Kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện	2						
4.6.1	Tổ chức triển khai kiểm tra, rà soát, đánh giá định kỳ	1						
-	Có thực hiện: 1							
-	Không thực hiện: 0							
4.6.2	Xử lý, giải quyết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						
-	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,75							
-	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
4.7	Thực hiện phân cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực	2.5						
4.7.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước do Trung ương ban hành	0.5						
-	Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: 0,5							
-	Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định : 0,25							

-	Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0							
4.7.2	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước do UBND Thành phố ban hành	0.5						
-	Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: 0,5							
-	Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định : 0,25							
-	Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0							
4.7.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với việc thực hiện các nhiệm vụ đã được phân cấp cho cấp cho huyện và các đơn vị trực thuộc	0.5						
-	Có thực hiện: 0,5							
-	Không thực hiện: 0							
4.7.4	Xử lý, giải quyết các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1						
-	100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,75							
-	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0,5							
-	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết: 0							
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	17.5						
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1						
5.1.1.	Tỷ lệ các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	0.5						
-	100% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,25							
-	Dưới 85% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0							
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	0.5						
-	100% số đơn vị: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số đơn vị: 0,25							
-	Dưới 85% số đơn vị: 0							
5.2	Tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện theo phân cấp	2.5						
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã	1						
-	Thực hiện đúng quy định: 1							
-	Không thực hiện đúng: 0							

5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	1						
-	Thực hiện đúng quy định: 1							
-	Không thực hiện đúng: 0							
5.2.3	Sử dụng công chức, viên chức, công chức cấp xã theo quy định	0.5						
-	Thực hiện đúng quy định: 0,5							
-	Không thực hiện đúng: 0							
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1						
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của huyện (trong tháng 01 của năm Kế hoạch)	0.5						
-	Ban hành kịp thời: 0,5							
-	Ban hành không kịp thời: 0,25							
-	Không ban hành: 0							
5.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của huyện	0.5						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25							
-	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương thuộc Huyện trở xuống	0.5						
-	100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0,5							
-	Dưới 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0							
5.5	Thực hiện tình giản biên chế	1.5						
5.5.1	Xây dựng và thực hiện Kế hoạch tình giản biên chế	0.5						
-	Xây dựng Kế hoạch tình giản biên chế							
-	Có Kế hoạch: 0.5							
-	Không có Kế hoạch: 0							
5.5.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch tình giản biên chế trong năm	1						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
-	Hoàn thành từ 75% - dưới 100% kế hoạch: 0,5							
-	Hoàn thành dưới 75% kế hoạch: 0							
5.6	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức	2.5						
5.6.1	Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định (hướng dẫn) của Thành phố	0.5						
-	Có thực hiện: 0,5							
-	Không thực hiện: 0							
5.6.2	Thực hiện cử công chức, viên chức dự thi nâng ngạch theo quy định	0.5						

-	Thực hiện đúng: 0,5	0.5						
-	Không thực hiện đúng: 0							
5.6.3	Cập nhật, quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức (Phần mềm quản lý nhân sự) theo quy định	0.5						
-	100% dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kịp thời, đầy đủ và quản lý theo quy định: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kịp thời, đầy đủ và quản lý theo quy định: 0,25							
-	Dưới 85% dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật kịp thời, đầy đủ và quản lý theo quy định: 0							
5.6.4	Thực hiện thu hút người có tài năng hoặc thủ khoa xuất sắc hoặc tiếp nhận công chức nguồn vào Huyện	1						
-	Đã thu hút (đăng ký, tuyển dụng) người có tài năng hoặc thủ khoa xuất sắc hoặc công chức nguồn vào làm việc trong Huyện hoặc các đơn vị thuộc Huyện: 1							
-	Chưa thu hút: 0							
5.7	Chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	6						
5.7.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức	1						ĐTXHH
5.7.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của cán bộ, công chức, viên chức	1						ĐTXHH
5.7.3	Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức	1						ĐTXHH
5.7.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức	1						ĐTXHH
5.7.5	Mức độ hoàn thành theo chức trách nhiệm vụ được giao của Chủ tịch UBND cấp xã	1						ĐTXHH
5.7.6	Mức độ hoàn thành theo chức trách nhiệm vụ được giao của Trưởng phòng cấp huyện	1						ĐTXHH
5.8	Cán bộ, công chức cấp xã	1						
5.8.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	0.5						
-	100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,25							
-	Dưới 85% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0							
5.8.2	Tỷ lệ số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	0.5						
-	100% số cán bộ, công chức: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số cán bộ, công chức: 0,25							
-	Dưới 85% số cán bộ, công chức: 0							
5.9	Thực hiện kỷ cương hành chính, văn hóa ứng xử	1.5						
5.9.1	Thực hiện kỷ cương hành chính, văn hóa ứng xử	0.5						
-	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm, bị xử lý kỷ luật: 0,5							
-	Có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm: 0							
5.9.2	Thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, nơi công cộng, nơi cư trú	1						ĐTXHH
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8						

6.1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại huyện	3.5						
6.1.1	Các đơn vị dự toán của huyện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định	0.5						
-	100% số cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện: 0,5							
-	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện: 0							
6.1.2	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	0.5						
-	100% số cơ quan, đơn vị dự toán có tăng thu nhập : 0,5							
-	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị dự toán có tăng thu nhập: 0							
6.1.3	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	0.5						
-	Báo cáo đầy đủ nội dung quy định và gửi đúng thời hạn: 0,5							
-	Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi báo cáo sau thời hạn: 0,25							
-	Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo:0							
6.1.4	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1						ĐTXHH
6.1.5	Tác động của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của UBND huyện	1						ĐTXHH
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2.5						
6.2.1	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đảm bảo chi thường xuyên 100%)	0.5						
-	Số đơn vị tăng so với năm trước hoặc đạt mức tối đa :0,5							
-	Số đơn vị không tăng so với năm trước: 0							
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	0.5						
-	100% số đơn vị: 0,5							
-	Dưới 100% số đơn vị: 0							
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện có tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho viên chức, người lao động hợp đồng	1						
-	100% số đơn vị: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số đơn vị: 0,5							
-	Dưới 85% số đơn vị: 0							
6.2.4	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	0.5						
-	Báo cáo đầy đủ nội dung quy định và gửi đúng thời hạn: 0,5							
-	Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi báo cáo sau thời hạn: 0,25							
-	Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo:0							
6.3	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	1						
6.3.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	0.5						

-	Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định và gửi đúng thời hạn: 0,5							
-	Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định và gửi sau thời hạn: 0,25							
-	Thực hiện xây dựng báo cáo không đúng quy định: 0							
6.3.2	Thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định	0.5						
-	Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo đúng thời hạn: 0,5							
-	Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo sau thời hạn: 0,25							
-	Thực hiện công khai không đúng quy định hoặc không công khai: 0							
6.4	Đảm bảo phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng (Theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) thuộc Huyện theo quy định	1						ĐTXHH
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	12.5						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của Huyện	4.5						
7.1.1	Chủ tịch UBND huyện và Chủ tịch UBND xã có sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp	0.5						
-	Chủ tịch UBND huyện và 100% Chủ tịch UBND xã có sử dụng: 0,5							
-	Dưới 100% sử dụng: 0							
7.1.2	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức, viên chức	1						ĐTXHH
7.1.3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (của huyện và xã)	1						
-	Có triển khai, đảm bảo đủ chỉ tiêu của Thành phố: 1							
-	Có triển khai, không đảm bảo đủ chỉ tiêu của Thành phố: 0.5							
-	Không triển khai: 0							
7.1.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	0.5						
-	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,5							
-	Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0,25							
-	Dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0							
7.1.5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	0.5						
-	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,5							
-	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,25							
-	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0							
7.1.6	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	0.5						
-	Đúng quy định: 0,5							
-	Không đúng quy định: 0							
7.1.7	Gửi nhận văn bản điện tử trong giao dịch hành chính	0.5						
-	100% số văn bản được gửi nhận qua mạng (trừ các văn bản mật): 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số văn bản được gửi nhận qua mạng (trừ các văn bản mật): 0,25							

-	Dưới 85% số văn bản được gửi nhận qua mạng (trừ các văn bản mật): 0							
7.2	Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của huyện	3						
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin	1						ĐTXHH
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của huyện	1						ĐTXHH
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1						ĐTXHH
7.3	Áp dụng ISO trong hoạt động của UBND huyện và UBND cấp xã	5						
7.3.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại UBND huyện	0.5						
-	Có thực hiện: 0.5							
-	Không thực hiện: 0							
7.3.2	Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại UBND huyện	0.5						
-	Có thực hiện: 0.5							
-	Không thực hiện: 0							
7.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã duy trì, cải tiến và công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động quản lý.	1						
-	100% đơn vị tổ chức đánh giá nội bộ hàng năm để duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận đã được cấp theo đúng tiêu chuẩn: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% đơn vị tổ chức đánh giá nội bộ hàng năm để duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận đã được cấp theo đúng tiêu chuẩn : 0,75							
-	Từ 70% - dưới 85% đơn vị tổ chức đánh giá nội bộ hàng năm để duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận đã được cấp theo đúng tiêu chuẩn : 0,5							
-	Dưới 70% đơn vị tổ chức đánh giá nội bộ hàng năm để duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận đã được cấp theo đúng tiêu chuẩn: 0							
7.3.4	Cơ quan huyện áp dụng ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 9001 trong hoạt động	1						
-	100% quy trình ISO 9001 được áp dụng và triển khai đúng tiêu chuẩn: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% quy trình ISO 9001 được áp dụng và triển khai đúng tiêu chuẩn: 0,5							
-	Dưới 85% quy trình ISO 9001 được áp dụng và triển khai đúng tiêu chuẩn: 0							
7.3.5	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã áp dụng ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	1						
-	100% số đơn vị áp dụng và thực hiện đúng quy trình ISO 9001 trong hoạt động : 1							
-	Từ 85% - dưới 100% số đơn vị áp dụng và thực hiện đúng quy trình ISO 9001 trong hoạt động : 0,75							
-	Từ 70% - dưới 85% số đơn vị áp dụng và thực hiện đúng quy trình ISO 9001 trong hoạt động : 0,5							
-	Dưới 70% số đơn vị áp dụng và thực hiện đúng quy trình ISO 9001 trong hoạt động: 0							
7.3.6	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO 9001	1						ĐTXHH

8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	14.5						
8.1	UBND cấp huyện và UBND cấp xã tổ chức tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	2						
8.1.1	UBND cấp huyện và UBND cấp xã ban hành đầy đủ các văn bản về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo quy định của Thành phố	0.5						
-	100% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
-	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0							
8.1.2	UBND cấp huyện bố trí người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đúng quy định	0.5						
-	Đúng quy định 0,5							
-	Không đúng quy định: 0							
8.1.3	UBND cấp xã bố trí người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đúng quy định	0.5						
-	100% số đơn vị thực hiện đúng quy định: 0,5							
-	Có đơn vị thực hiện không đúng quy định: 0							
8.1.4	UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện đúng quy định chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định Thành phố	0.5						
-	100% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
-	Có đơn vị thực hiện không đúng quy định: 0							
8.2	TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2.5						
8.2.1	Số lượng TTHC thực hiện tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã được xây dựng quy trình và tổ chức giải quyết theo cơ chế một cửa	0.5						
-	100% số lượng TTHC: 0,5							
-	Dưới 100% số lượng TTHC: 0							
8.2.2	Xây dựng, ban hành, triển khai Quy chế phối hợp giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức theo cơ chế một cửa liên thông thuộc thẩm quyền ban hành của UBND cấp huyện	1						
-	Xây dựng, ban hành và triển khai đầy đủ, kịp thời: 1							
-	Xây dựng, ban hành nhưng chưa đầy đủ, kịp thời hoặc có xây dựng, ban hành nhưng chưa triển khai đầy đủ, kịp thời: 0,5							
-	Chưa xây dựng, triển khai: 0							
8.2.3	TTHC được xây dựng quy trình và tổ chức giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông của UBND cấp Huyện	1						
-	100% TTHC: 1							
-	Từ 85% - dưới 100% TTHC: 0,75							
-	Từ 70% - dưới 85% TTHC: 0,5							
-	Dưới 70% TTHC: 0							
8.3	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2.5						

8.3.1	Cơ quan UBND cấp huyện và tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	0.5						
-	100% số cơ quan, đơn vị: 0,5							
-	Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25							
-	Dưới 85% số cơ quan, đơn vị: 0							
8.3.2	Cơ quan UBND cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại theo quy định	1						
-	Đáp ứng đủ theo quy định: 1							
-	Đáp ứng một phần theo quy định: 0,5							
-	Chưa thực hiện: 0							
8.3.3	Đơn vị hành chính cấp xã có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại theo quy định	1						
-	100% số đơn vị trở lên: 1							
-	Từ 50% - dưới 100% số đơn vị: 0,5							
-	Dưới 50% số đơn vị: 0							
8.4	Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	4						
8.4.1	Bố trí chỗ ngồi chờ, nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân đến giao dịch	1						ĐTXHH
8.4.2	Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	1						ĐTXHH
8.4.3	Thời gian giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	1						ĐTXHH
8.4.4	Chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1						ĐTXHH
8.5	Kết quả giải quyết TTHC	2						
8.5.1	Hồ sơ hành chính cấp huyện được giải quyết trước hẹn và đúng hẹn:	1						
-	Đạt từ 100% số hồ sơ trở lên: 1							
-	Dưới 100 % số hồ sơ: 0							
8.5.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ hành chính được giải quyết trước hẹn và đúng hẹn	1						
-	100% số đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ hành chính được giải quyết trước hẹn và đúng hẹn: 1							
-	Dưới 100% số đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ hành chính được giải quyết trước hẹn và đúng hẹn: 0							
8.6	Thực hiện quy định về xin lỗi trong quá trình giải quyết TTHC tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã	1.5						
8.6.1	Thực hiện quy định về xin lỗi trong quá trình giải quyết TTHC tại UBND cấp huyện	0.5						
-	Tất cả (100%) các trường hợp phải xin lỗi đều được thực hiện theo quy định: 0,5							
-	Các trường hợp phải xin lỗi nhưng không thực hiện xin lỗi theo quy định: 0							
8.6.2	Thực hiện quy định về xin lỗi trong quá trình giải quyết TTHC tại UBND cấp xã	1						
-	Tất cả (100%) các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện xin lỗi theo quy định: 1							
-	Các đơn vị hành chính cấp xã không thực hiện xin lỗi theo quy định: 0							
9	TÁC ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ	4.5						

9.1	Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội Thành phố giao	2						
-	Hoàn thành 100% kế hoạch: 2							
-	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 1,5							
-	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 1							
-	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
9.2	Thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước	1						
-	Hoàn thành và vượt dự toán thu NSNN: 1							
-	Không hoàn thành dự toán thu NSNN: 0							
9.3	Hoàn hành chỉ tiêu về giảm hộ nghèo tại cấp xã	0.5						
	Hoàn thành 100% chỉ tiêu: 0,5							
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,25							
	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0							
9.4	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với cung ứng dịch vụ công của Huyện	1						ĐTXHH
	TỔNG ĐIỂM	100						

